

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ B
TỈNH B**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 60/2021/HNGĐ-ST

Ngày 23 tháng 8 năm 2021

V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Mạnh Thắng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Tư.

2. Bà Nguyễn Thị Thủy.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Mỹ Hạnh - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B tham gia phiên tòa: Ông Đặng Đức Hùng - Kiểm sát viên.

Trong ngày 23 tháng 8 năm 2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố B xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 228/2021/TLST-HNGĐ, ngày 12 tháng 7 năm 2021 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 64/2021/QĐXX-ST ngày 07 tháng 8 năm 2021 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thu T, sinh năm 1990.

* *Bị đơn:* Anh Phan Văn H, sinh năm 1982

Cùng địa chỉ: Nhà 15, ngách 8, ngõ 102, đường Huyền quang, phường Hoàng Văn Thụ, thành phố B, tỉnh B.

(Các đương sự đều có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Theo đơn khởi kiện và bản tự khai ngày cùng các lời khai tiếp theo, nguyên đơn là chị Nguyễn Thu T trình bày:*

Chị và anh Phan Văn H kết hôn năm 2009, đăng ký kết hôn tại UBND phường Lê Lợi, thành phố B. Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống với nhau ngay, hiện nay vẫn cùng chung sống tại nhà 15, ngách 8, ngõ 102, đường Huyền quang, phường Hoàng Văn Thụ, thành phố B, tỉnh B. Trong cuộc sống chung

hai vợ chồng thời gian đầu hòa thuận hạnh phúc cho đến khi anh H chơi bời lêu lắt xảy ra nợ nần, thường xuyên về chửi bới đánh chị, vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn thường xuyên nên chị yêu cầu xin ly hôn anh H. Vợ chồng chị có 02 con chung là Phan Gia Bảo, sinh ngày 23/8/2010 và Phan Hoàng Anh, sinh ngày 17/8/2016, chị đề nghị giao cho chị chăm sóc nuôi dưỡng cháu Phan Hoàng Anh, giao cho anh H chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Phan Gia Bảo; không yêu cầu giải quyết về cấp dưỡng nuôi con. Chị và anh H hiện đều làm buôn bán, kinh doanh tự do, anh H thu nhập bình quân 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng/tháng, chị có thu nhập bình quân từ 7.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng/tháng. Về tài sản chung và công nợ chung chị không yêu cầu giải quyết trong vụ án này.

** Bị đơn là anh Phan Văn H trình bày:*

Vợ chồng anh kết hôn năm 2009, đăng ký kết hôn tại UBND phường Lê Lợi, thành phố B. Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống với nhau ngay, hiện nay vẫn cùng chung sống tại nhà 15, ngách 8, ngõ 102, đường Huyền quang, phường Hoàng Văn Thụ, thành phố B, tỉnh B. Trong cuộc sống chung hai vợ chồng cũng xảy ra mâu thuẫn, nhưng đó chỉ là mâu thuẫn nhỏ, anh nhận thấy tình cảm vẫn còn nên không đồng ý với yêu cầu xin ly hôn của chị T. Vợ chồng có 02 con chung là Phan Gia Bảo, sinh ngày 23/8/2010 và Phan Hoàng Anh, sinh ngày 17/8/2016. Trường hợp phải ly hôn, anh đề nghị giao cho chị T chăm sóc nuôi dưỡng cháu Phan Hoàng Anh, giao cho anh chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Phan Gia Bảo; không yêu cầu giải quyết về cấp dưỡng nuôi con. Chị T và anh hiện đều làm buôn bán, kinh doanh tự do, anh thu nhập bình quân 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng/tháng, chị T thu nhập bình quân từ 7.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng/tháng. Về tài sản chung và công nợ chung anh không yêu cầu giải quyết trong vụ án này.

** Tại biên bản xác minh của Tòa án ngày 05/8/2021 tại chính quyền địa phương nơi anh H và chị T sinh sống, địa phương xác định anh H, chị T chung sống tại địa phương, trong cuộc sống vợ chồng có mâu thuẫn, nhưng địa phương không nắm cụ thể về mâu thuẫn của hai vợ chồng, vợ chồng có 02 con hiện đang sống cùng nhà. Việc yêu cầu xin ly hôn của vợ chồng địa phương không có ý kiến gì.*

** Tại phiên tòa hôm nay:*

Chị Nguyễn Thu T giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và quan điểm như đã trình bày, không thay đổi, bổ sung gì.

Anh Phan Văn H xác định vợ chồng có mâu thuẫn, nhưng anh đề nghị đoàn tụ vợ chồng. Trường hợp chị T đồng ý để anh nuôi dưỡng cả hai con thì anh đồng ý ly hôn.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B phát biểu ý kiến:*

- Về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tuân thủ theo đúng các quy định của pháp luật Tổ tụng dân sự trong quá trình thụ lý, giải quyết và xét xử vụ án. Nguyên đơn và bị đơn đã chấp hành theo đúng các quy định của pháp luật Tổ tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết như sau:

+ Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Phan Văn H.

+ Về con chung: Giao cho chị T chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là Phan Hoàng Anh, sinh ngày 17/8/2016; giao cho anh H chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là Phan Gia Bảo, sinh ngày 23/8/2010. Cấp dưỡng nuôi con không xem xét, giải quyết do các đương sự không có yêu cầu.

+ Về tài sản chung và công nợ chung: Các đương sự không yêu cầu gì nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

+ Về án phí: Chị T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn là chị T yêu cầu xin ly hôn và giải quyết về con chung, bị đơn là anh Phan Văn H có hộ khẩu thường trú tại phường Hoàng Văn Thụ, thành phố B, tỉnh B. Tòa án nhân dân thành phố B thụ lý, giải quyết vụ án “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tổ tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, được tự do tìm hiểu. Tại thời điểm kết hôn, hai bên có đủ điều kiện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Lê Lợi, thành phố B và đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn năm 2009 nên đây là hôn nhân hợp pháp. Chị T xác định vợ chồng chung sống hạnh phúc thời gian đầu, quá trình chung sống sau này phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh H nợ nần về hay đánh chị. Anh H cũng thừa nhận việc có mâu thuẫn và có đánh chị T. Tại biên bản xác minh tại chính quyền địa phương cũng xác định hai vợ chồng có mâu thuẫn. Hơn nữa, Tòa án đã hòa giải đoàn tụ nhiều lần nhưng chị T không đồng ý đoàn tụ vợ chồng, việc hòa giải đoàn tụ không thành, chứng tỏ mâu thuẫn giữa vợ chồng chị T và anh H là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được và không thể hòa giải đoàn tụ gia đình, nên cần chấp nhận yêu cầu của chị T và xử cho chị T được ly hôn anh H là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Chị T và anh H có hai con chung là Phan Gia Bảo, sinh ngày 23/8/2010 và Phan Hoàng Anh, sinh ngày 17/8/2016, hiện đang ở cùng anh H và chị T. Xét có nguyện vọng nuôi dưỡng con chung thì thấy, trước khi mở phiên tòa cả hai bên đều đề nghị giao cho chị T chăm sóc nuôi dưỡng cháu Phan Hoàng Anh, anh H chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Phan Gia Bảo. Tại phiên tòa anh H xin nuôi cả hai con. Hội đồng xét xử xét thấy cả hai bên đều đủ điều kiện nuôi con, cháu Phan Gia Bảo có nguyện vọng ở với anh H, nên cần chấp nhận yêu cầu của chị T, giao cho chị T chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Phan Hoàng Anh, giao cho anh H chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Phan Gia Bảo là phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Các đương sự không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét. Sau khi ly hôn, chị T và anh H đều có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của người con nên Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc thay đổi mức đóng góp cấp dưỡng nuôi con nếu sau này các đương sự có yêu cầu.

[5] Về tài sản chung và công nợ chung: Các đương sự không có yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí: Chị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thu T được ly hôn anh Phan Văn H.
2. Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thu T quyền chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là Phan Hoàng Anh, sinh ngày 17/8/2016; giao cho anh Phan Văn H quyền chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là Phan Gia Bảo, sinh ngày 23/8/2010.

Chị T và anh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của người con, Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp

nuôi con hoặc thay đổi mức đóng góp cấp dưỡng nuôi con nếu sau này các đương sự có yêu cầu.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thu T phải chịu 300.000đồng án phí ly hôn sơ nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đồng đã nộp theo Biên lai thu tiền số AA/2018/0002353 ngày 12/7/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh B.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 - Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7; 7a; 7b và 9 - Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 - Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND TP. B;
- CCTHADS TP. B;
- TAND tỉnh B;
- UBND phường Lê Lợi; TP. B, tỉnh B;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ, Văn phòng.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà**

Trần Mạnh Thắng